

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2019/HS-ST
Ngày 18-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Hý và bà Lầu Thị Liên

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Giàng A Khở, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Giàng A T, sinh năm 1963, tại huyện T, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Giàng A C, đã chết; Con bà: Thào Thị D, sinh năm 1919.

Bị cáo có vợ Vàng Thị A (Vàng Thị E), sinh năm 1964 và 08 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/3/2019, tạm giam ngày 25/3/2019, có mặt.

*** Bị hại:** Cháng A C, sinh năm 1989; Giàng Thị D, sinh năm 1973; Sùng Thị M, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của Giàng Thị D và Sùng Thị M là Cháng A C, sinh năm 1989, địa chỉ bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Giàng A T:** Ông Phùng Việt H, Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người làm chứng:** Cháng A K, sinh năm 1988, địa chỉ bản H, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Giàng A T và bà Giàng Thị D có mâu thuẫn với nhau và đã được giải quyết từ nhiều năm về trước nhưng bị cáo vẫn ăm ức và nuôi ý chí trả thù. Khoảng 23 giờ ngày 18/3/2019, sau khi ăn cơm, uống rượu xong bị cáo nảy sinh ý định đi đốt nhà ở của bà D. Giàng A T mang theo một chiếc bật lửa gas đi bộ một mình từ lán chăn nuôi của bị cáo cách nhà bà D khoảng 2 km thuộc bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên. Do bà Giàng Thị D ở cùng với vợ chồng con trai là anh Cháng A C, chị Sùng Thị M nên khoảng 00 giờ ngày 19/3/2019 bị cáo đến đốt nhà anh C. Đến nơi, bị cáo dùng bật lửa gas châm vào mái gianh cho lửa cháy rồi đi bộ quay về lán của bị cáo để ngủ. Đến 07 giờ sáng ngày 19/3/2019, bị cáo ngủ dậy rồi đi theo đường cũ đến nhà Cháng A C để xóa vết chân của mình để lại trong đêm. Bị cáo đang dùng một cành cây hoa sim để quét xóa dấu vết chân thì gặp Mùa A H là cán bộ Công an huyện N cùng một số người trong bản P đến hiện trường vụ việc. Do sợ bị phát hiện ra hành vi của mình nên Giàng A T vứt cành hoa sim xuống vệ đường rồi đi lên nương lúa để rào vườn. Đến trưa ngày 19/3/2019, do nhận ra hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Giàng A T đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo.

Cáo trạng số 42/CT-VKSNP ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Giàng A T về tội Hủy hoại tài sản theo điểm b khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; Điều 38, Điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên phạt bị cáo Giàng A T từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST, án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

Người bị hại và người đại diện theo ủy quyền của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường thiệt hại còn lại chưa bồi thường. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án tù 18 đến 24 tháng tù. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N và luận cứ bào chữa của Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú hồi 14 giờ 15 phút ngày 19/3/2019 bút lục 04, 05 chứng minh bị cáo Giàng A T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tự thú về việc tối ngày 18/3/2019 Giàng A T đã đốt nhà của bà Giàng Thị D trú cùng bản với bị cáo.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12/KL-HĐĐGTS ngày 25/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự bút lục 51, 52 thì giá trị của 25 mục tài sản bị thiệt hại là 130.308.000 đồng. Kết quả điều tra cho thấy số tiền mặt của gia đình anh Cháng A C bị cháy là 17.700.000 đồng. **Tổng giá trị bị thiệt hại của gia đình bà Giàng Thị D là 148.008.000 đồng.**

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Giàng A T có tội. Hành vi của bị cáo là cố ý xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo đã hoàn thành và đầy đủ yếu tố cấu thành tội Hủy hoại tài sản được quy định tại Điều 178 Bộ luật hình sự. Bị cáo còn gây mất trật tự trị an trong cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động bình thường của xã hội, tạo ra một cách nhìn nhận của mọi người đối với bị cáo về việc tuân thủ pháp luật. Bị cáo đã hủy hoại hoàn toàn ngôi nhà và toàn bộ vật dụng trong nhà bà Giàng Thị D. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội Hủy hoại tài sản là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Giàng A T có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì tổng giá trị thiệt hại về tài sản do Giàng A T hủy hoại là 130.308.000 đồng. Giá trị

tiền mặt bị thiệt hại do cơ quan điều tra chứng minh được là 17.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Giàng A T phải chịu trách nhiệm hình sự là 148.008.000 đồng. Giá trị tài sản bị hủy hoại ở trong khoảng từ 50 triệu đến dưới 200 triệu đồng. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Hủy hoại tài sản theo điểm b khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự. Tính chất tội phạm của bị cáo nghiêm trọng có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở huyện T, tỉnh Điện Biên. Từ năm 1975 đến nay, bị cáo làm ăn, sinh sống tại bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên. Trong cuộc sống, bị cáo không kiềm chế được bản thân, nóng giận, sử dụng chất kích thích gây nên suy nghĩ cay cú của những mâu thuẫn trong quá khứ. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình để bồi thường một phần thiệt hại tài sản cho anh Cháng A C là đại diện của gia đình người bị hại với số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự mình nhận tội và khai báo hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện được bị cáo phạm tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Những nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng do cố ý. Thiệt hại bị cáo gây ra với mức 148.008.000 đồng là giá trị lớn so với giá trị thiệt hại thấp nhất của khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của Luật sư đối với mức án đề nghị từ 18 đến 24 tháng tù cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tổng giá trị thiệt hại về tài sản của gia đình anh Cháng A C là 148.008.000 đồng. Bị cáo cùng gia đình đã bồi thường trước 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại 98.008.000 đồng buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình Giàng Thị D, đại diện là anh Cháng A C nhận số tiền này.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Giàng A T.

[9] Về vật chứng:

Vật chứng của vụ án là một đôi dép tổ ong màu vàng; một bát lửa ga màu trắng, đỏ, vàng; một cành cây hoa sim rừng là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Vật chứng không còn giá trị sử dụng do vậy tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST, miễn án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại và người đại diện theo ủy quyền của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 178; Điều 38; Điểm b, s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Giàng A T** phạm tội "**Hủy hoại tài sản**".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Giàng A T 03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 19/3/2019.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Giàng A T** phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho những bị hại **Giàng Thị D**, **Cháng A C**, **Sùng Thị M** tổng số tiền 148.008.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu không trăm linh tám nghìn đồng). Đã bồi thường 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Bị cáo còn phải bồi thường tiếp 98.008.000 đồng (chín mươi tám triệu không trăm linh tám nghìn đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của **Giàng Thị D** và **Sùng Thị M** là **Cháng A C**, sinh năm 1989, địa chỉ bản P, xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên đại diện cho những bị hại nhận số tiền bồi thường.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh **Cháng A C** mà bị cáo **Giàng A T** chậm trả tiền thì **Giàng A T** phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy một đôi dép tổ ong màu vàng; một bát lửa ga màu trắng, đỏ, vàng; một cành cây hoa sim rừng. Vật chứng được đựng trong một phong bì niêm phong của UBND xã P và hai hộp niêm phong của Công an huyện N có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 08 giờ 30 phút ngày 13/7/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo **Giàng A T**, người bị hại và người đại diện theo ủy quyền của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/9/2019.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, bị hại, Luật sư bào chữa;
- Lưu.

Nguyễn Mạnh Huân